TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ GIA MẬP** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 81/2017/QĐST-HNGĐ	*Bù Gia Mập, ngày 25 tháng 8 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 115/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2017, giữa:

* *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị Mỹ T**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

* *Bị đơn:* Anh **Cao Nguyên V**, sinh năm 1979

Địa chỉ: Khu phố 2, phường L, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 8 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 8 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Phạm Thị Mỹ T và anh Cao Nguyên V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Chị Phạm Thị Mỹ T và anh Cao Nguyên V thống nhất thỏa thuận: giao người con chung Cao Quốc T, sinh ngày 19/05/2009 cho Anh Cao Nguyên V trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị Phạm Thị Mỹ T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị Mỹ T và anh Cao Nguyên V không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết .

2.2. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Mỹ T và anh Cao Nguyên V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về nợ chung: Chị Phạm Thị Mỹ T và anh Cao Nguyên V không yêu cầu Tòa án giải quyết

2.4. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: là 150.000 đồng, chị T phải nộp 75.000 đồng, anh V phải nộp 75.000 đồng. Tại phiên hòa giải chị T đồng ý nộp thay cho anh V số tiền 75.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0018975 ngày 02 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Trả lại chị T số tiền tạm ứng án phí còn lại 150.000 đồng.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND H BGM;
- UBND xã Đức Hạnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Thoại